

Bản án số: 86/2024/DS-ST

Ngày: 16-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Châu.
- Ông Huỳnh Đạt Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST-DS ngày 15/02/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2024/QĐXXST-DS ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ trụ sở: Số 40-42-44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Anh V (vắng mặt) và bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1994 (có mặt). Cùng địa chỉ: Số 466 đường T, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3575/QĐ-NHKL ngày 11/9/2023).

– Bị đơn:

1/ Ông Thái Hải T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2/ Bà Võ Ngọc Q, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C đường N, Khóm C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi là Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ N trình bày: Ông Thái Hải T và bà Võ Ngọc Q có vay vốn của Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 449/22/HĐTD/2100-7235 ngày 18/08/2022, số tiền vay 480.000.000 đồng. Mục đích vay mua sắm trang thiết bị, vật dụng sinh hoạt gia đình. Giải ngân ngày 19/08/2022. Thời hạn vay 05 năm, ngày đến hạn 19/08/2027. Lãi suất vay là: 10,0%/năm được cố

định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần và lãi suất cho vay điều chỉnh sẽ bằng lãi suất cơ sở trung hạn (lãi suất cơ sở kỳ hạn 05 năm) theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) 3,4%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay ngay thời điểm nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Hình thức thanh toán: Gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 19 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông T và bà Q có ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số 449/22/HĐTC-BDS/2100-7235 ngày 18/08/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 216, tờ bản đồ 41, diện tích 104,9m². Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, tọa lạc tại Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 794045, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS01652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 22/07/2020 cho bà Võ Ngọc Q. Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được Văn phòng công chứng Trần Văn N công chứng ngày 18/08/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/08/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sóc Trăng theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày vay đến nay, ông T và bà Q chưa thanh toán đủ gốc, lãi cho Ngân hàng nên vi phạm Hợp đồng tín dụng. Ông T và bà Q đã trả nợ gốc được 56.000.000 đồng, đã trả lãi trong hạn được 36.591.671 đồng, đã trả lãi quá hạn được 233.261 đồng, tiền phạt đã trả 71.706 đồng. Tính đến ngày 17/6/2024 dư nợ gốc 424.000.000 đồng, lãi trong hạn 68.277.683 đồng, lãi quá hạn 16.006.619 đồng, phạt chậm trả lãi 4.737.393 đồng, tổng cộng 513.021.695 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T và bà Q phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền tính đến ngày 17/6/2024 là 513.021.695 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông T và bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Thái Hải T và bà Võ Ngọc Q nhưng ông T, bà Q không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn, chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Thái Hải T và bà Võ Ngọc Q, ông Nguyễn Anh V đã được

Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà Q và ông A.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T và bà Q có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 449/22/HĐTD/2100-7235 ngày 18/08/2022, số tiền vay 480.000.000 đồng. Mục đích vay mua sắm trang thiết bị, vật dụng sinh hoạt gia đình. Giải ngân ngày 19/08/2022. Thời hạn vay 05 năm, ngày đến hạn 19/08/2027. Lãi suất vay là: 10,0%/năm được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần và lãi suất cho vay điều chỉnh sẽ bằng lãi suất cơ sở trung hạn (lãi suất cơ sở kỳ hạn 05 năm) theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) 3,4%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay ngay thời điểm nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Hình thức thanh toán: Gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 19 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày vay đến nay, ông T và bà Q đã trả nợ gốc được 56.000.000 đồng, đã trả lãi trong hạn được 36.591.671 đồng, đã trả lãi quá hạn được 233.261 đồng, tiền phạt đã trả 71.706 đồng. Tính đến ngày 17/6/2024 dư nợ gốc 424.000.000 đồng, lãi trong hạn 68.277.683 đồng, lãi quá hạn 16.006.619 đồng, phạt chậm trả lãi 4.737.393 đồng, tổng cộng 513.021.695 đồng.

[3] Xét thấy, việc ông T, bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Ông T và bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là người có lỗi vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà Q có nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn và lãi vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, nhưng ông T, bà Q không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ vào Hợp đồng tín dụng nêu trên (bút lục 16-18), Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ (bút lục 19) và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông T và bà Q có nợ Ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu trả số nợ nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T, bà Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 17/6/2024 dư nợ gốc 424.000.000 đồng, lãi trong hạn 68.277.683 đồng, lãi quá hạn 16.006.619 đồng, phạt chậm trả lãi 4.737.393 đồng, tổng cộng 513.021.695 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày 18/6/2024, nếu ông T, bà Q không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông T, bà Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông T và bà Q có thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất tại thửa số 216, tờ bản đồ 41, diện tích 104,9m², toạ lạc Khóm 1, Phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 794045, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS01652, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Võ Ngọc Q ngày 22/07/2020, theo Hợp đồng thế chấp số 449/22/HĐTC-BDS/2100-7235 ngày 18/08/2022, được Văn phòng công chứng Trần Văn N công chứng ngày 18/08/2022, có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/08/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S theo đúng quy định pháp luật (bút lục 20-28).

[5] Xét thấy, về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu ông T, bà Q không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên toà, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay, mà đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông T, bà Q phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng mới có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 950.000 đồng, ông T, bà Q phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước nên ông T, bà Q phải trả lại cho Ngân hàng 950.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông T, bà Q phải chịu 24.520.868 đồng án phí sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Thái Hải T và bà Võ Ngọc Q trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn gốc 424.000.000 đồng, lãi trong hạn 68.277.683 đồng, lãi quá hạn 16.006.619 đồng, phạt chậm trả lãi 4.737.393 đồng, tổng cộng 513.021.695 đồng (Năm trăm mười ba triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 18/6/2024, ông Thái Hải T và bà Võ Ngọc Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng TMCP K có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Thái Hải T và bà Võ Ngọc Q phải tự nguyện trả số tiền nêu trên. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng TMCP K thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp số 449/22/HĐTC-BĐS/2100-7235 ngày 18/08/2022, được Văn phòng công chứng Trần Văn N công chứng ngày 18/08/2022, có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/08/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 216, tờ bản đồ 41, diện tích 104,9m², tọa lạc Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 794045, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS01652, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Võ Ngọc Q ngày 22/07/2020.

2/ Về chi phí thẩm định: Ông Thái Hải T và bà Võ Ngọc Q phải chịu chi phí thẩm định là 950.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP K đã tạm nộp trước, nên T và bà Q phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Về án phí sơ thẩm: Ông Thái Hải T và bà Võ Ngọc Q phải chịu 24.520.868 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng) án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.306.129 đồng (Mười một triệu ba trăm lẻ sáu nghìn một trăm hai mươi chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001466, ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh